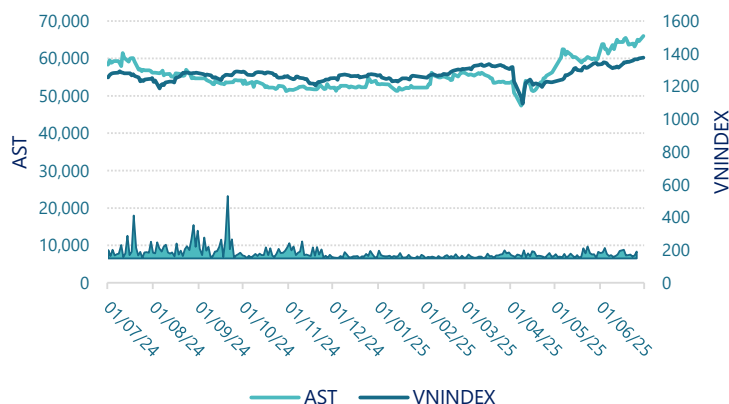


CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (HSX: AST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	66,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	66,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	47,372
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,850
% sở hữu nước ngoài	45.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,970
P/E	15.0
EPS	4,406

DT thuần

Q2/25

394

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 2.3%

YoY: ▲ 84.0 | 27.0%

LN sau thuế

Q2/25

77.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.70 | 5.1%

YoY: ▲ 34.5 | 80.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

21.9%

+/- YoY: ▲ 4.1%

DT thuần

6T 2025

779

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 130 | 19.9%

LN sau thuế

6T 2025

151

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 57.9 | 62.5%

ROE

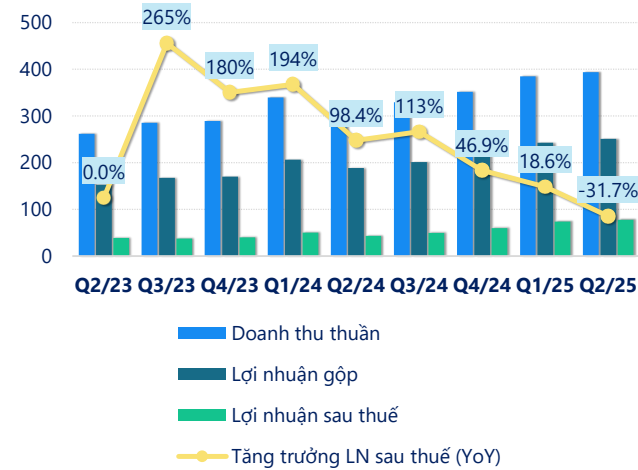
Q2/25

30.8%

+/- YoY: ▲ 8.7%

tỷ VNĐ

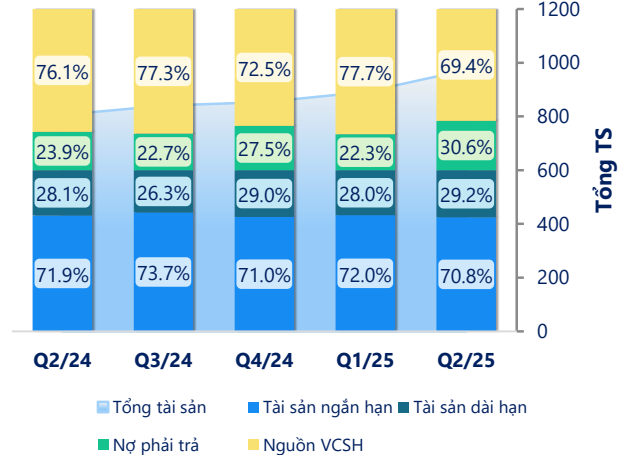
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

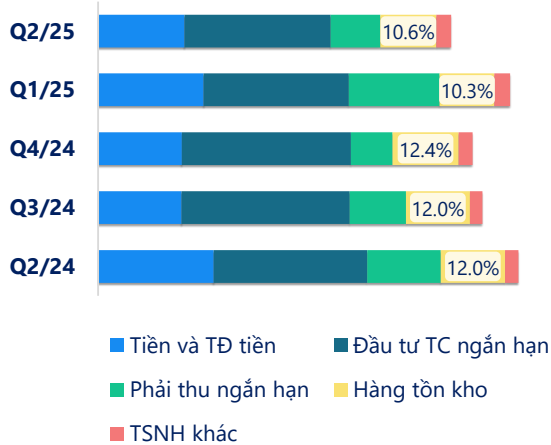
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



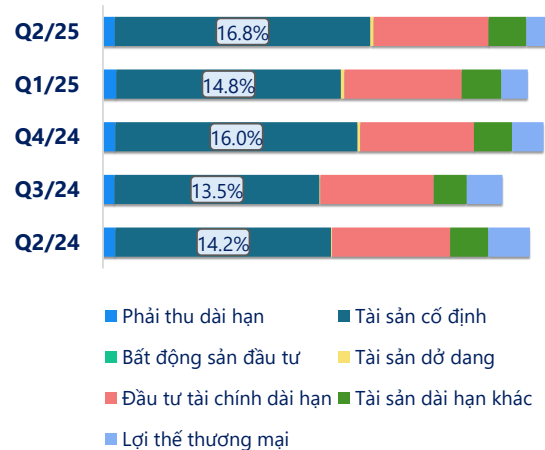
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

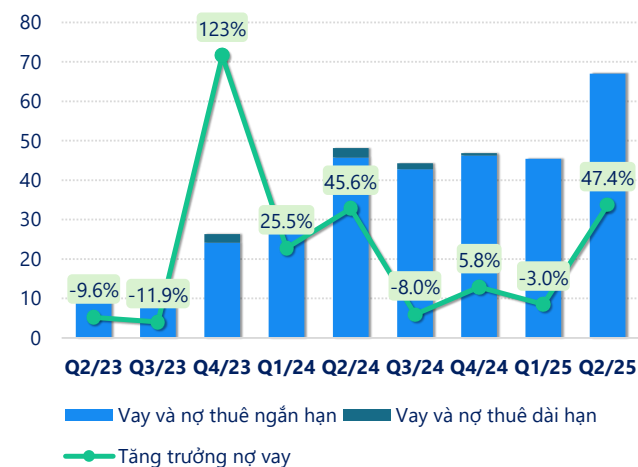
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

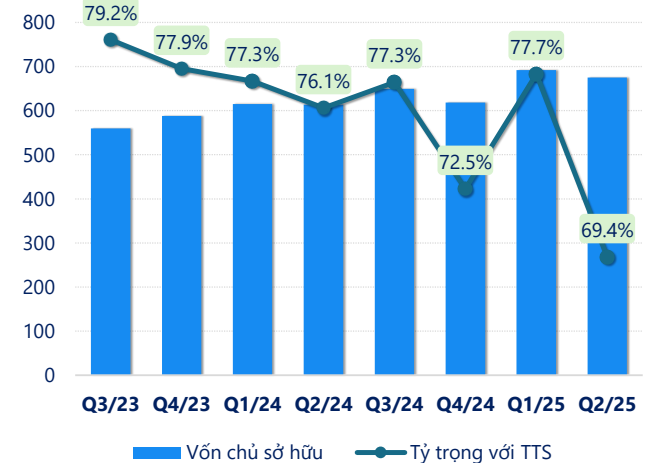
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

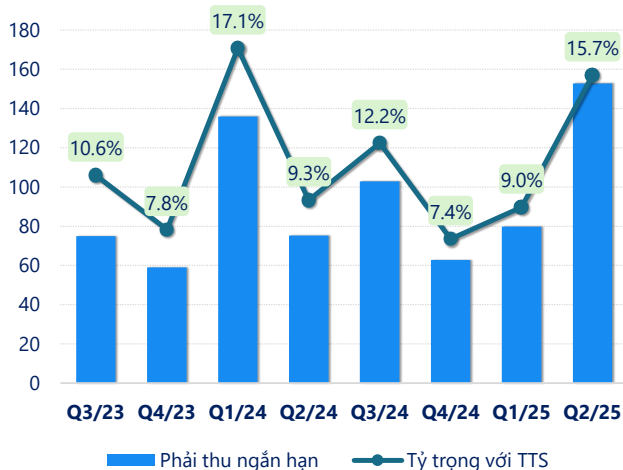
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



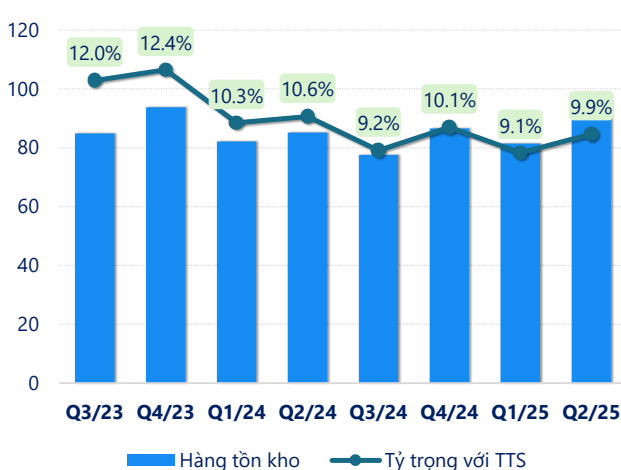
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


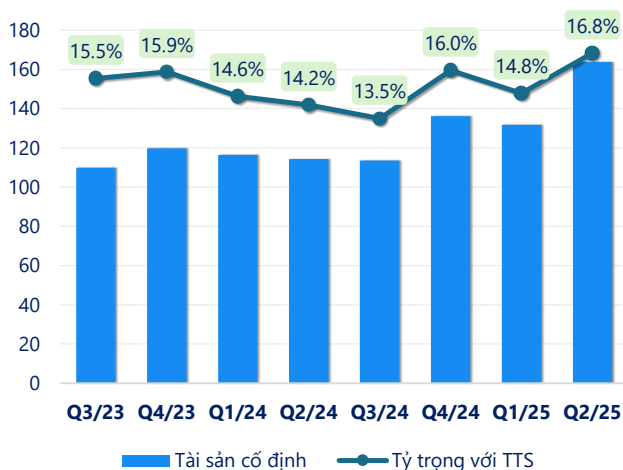
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


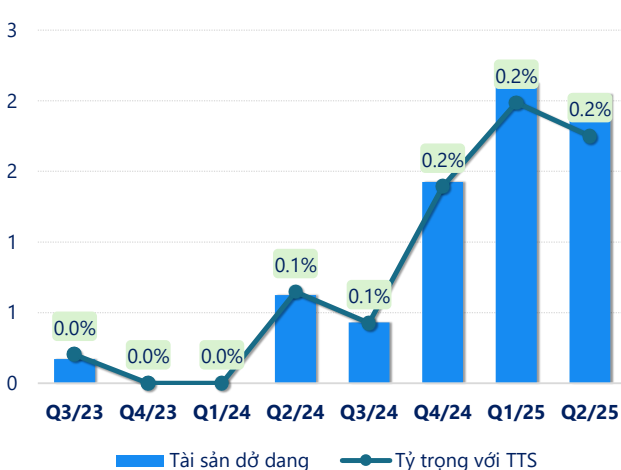
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

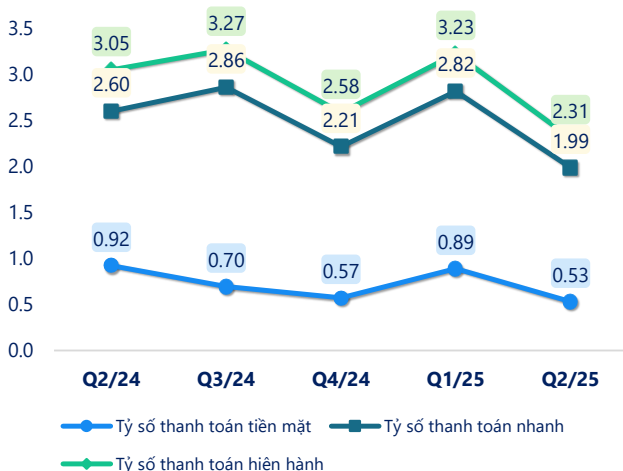
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

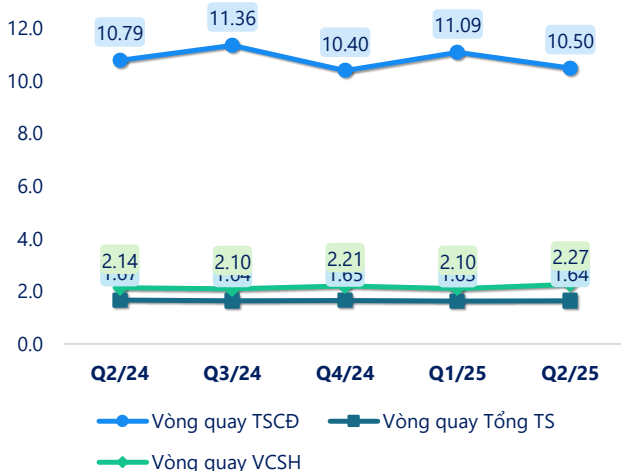
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	806	840	853	891	973
Tài sản ngắn hạn	579	619	606	642	689
Tiền và tương đương tiền	175	132	135	177	158
Đầu tư tài chính ngắn hạn	221	284	297	276	250
Phải thu ngắn hạn	75.2	103	62.7	79.8	153
Hàng tồn kho	85.2	77.6	86.6	81.4	96.1
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	22.6	24.8	27.7	31.5
Tài sản dài hạn	227	221	247	249	284
Phải thu dài hạn	6.64	6.41	6.92	7.84	7.51
Tài sản cố định	114	113	136	132	164
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.63	0.43	1.43	2.12	2.04
Đầu tư tài chính dài hạn	62.6	62.7	64.0	68.7	73.6
Tài sản dài hạn khác	20.3	18.2	21.4	23.2	24.3
Lợi thế thương mại	22.0	19.9	17.7	15.5	13.3
Nợ phải trả	192	191	235	199	298
Nợ ngắn hạn	190	189	234	199	298
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.7	42.8	46.3	45.4	67.0
Phải trả người bán ngắn hạn	52.4	50.7	69.6	63.3	66.7
Nợ dài hạn	2.40	1.48	0.56	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	2.40	1.48	0.56	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	614	650	618	692	675
Vốn chủ sở hữu	614	650	618	692	675
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)